

DANH SÁCH

**817 căn hộ nhà ở thương mại hình thành trong tương lai
tại dự án Chung cư (lô CC5) thuộc Giai đoạn 4 - Dự án nhà ở
thuộc Khu nhà ở Nguyễn Sơn, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh (nay thuộc
xã Bình Hưng) đủ điều kiện bán**

(Đính kèm Công văn số **17060** /SXD-PTĐT ngày **21** tháng **11** năm 2025
của Sở Xây dựng)

Stt	TÀNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
THÁP 1			
1	Tầng 1	Loại A	T1.01.01
2		Loại B	T1.01.02
3	Tầng 2	Loại A	T1.02.01
4		Loại B6	T1.02.02
5		Loại C2	T1.02.03
6		Loại B2	T1.02.04
7		Loại B2	T1.02.05
8		Loại B2	T1.02.06
9		Loại B2	T1.02.07
10		Loại B2	T1.02.08
11		Loại B2	T1.02.09
12		Loại A	T1.02.10
13		Loại A	T1.02.11
14		Loại B5	T1.02.12
15	Tầng 3	Loại A	T1.(04-20).01
16		Loại B6	T1.(04-20).02
17		Loại C2	T1.(04-20).03
18		Loại B2	T1.(04-20).04
19		Loại B2	T1.(04-20).05
20		Loại B3	T1.(04-20).06
21		Loại A	T1.(04-20).07
22		Loại B1	T1.(04-20).08
23		Loại B5b	T1.(04-20).09
24		Loại B5	T1.(04-20).10
25		Loại A	T1.(04-20).11
26		Loại A	T1.(04-20).12
27		Loại A	T1.(04-20).13
28		Loại B5	T1.(04-20).14
29	Tầng 4	Loại A	T1.04.01
30		Loại B6	T1.04.02

Stt	TẦNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
31		Loại C2	T1.04.03
32		Loại B2	T1.04.04
33		Loại B2	T1.04.05
34		Loại B3	T1.04.06
35		Loại A	T1.04.07
36		Loại B1	T1.04.08
37		Loại B5b	T1.04.09
38		Loại B5	T1.04.10
39		Loại A	T1.04.11
40		Loại A	T1.04.12
41		Loại A	T1.04.13
42		Loại B5	T1.04.14
43	Tầng 5	Loại A	T1.05.01
44		Loại B6	T1.05.02
45		Loại C2	T1.05.03
46		Loại B2	T1.05.04
47		Loại B2	T1.05.05
48		Loại B3	T1.05.06
49		Loại A	T1.05.07
50		Loại B1	T1.05.08
51		Loại B5b	T1.05.09
52		Loại B5	T1.05.10
53		Loại A	T1.05.11
54		Loại A	T1.05.12
55		Loại A	T1.05.13
56		Loại B5	T1.05.14
57	Tầng 6	Loại A	T1.06.01
58		Loại B6	T1.06.02
59		Loại C2	T1.06.03
60		Loại B2	T1.06.04
61		Loại B2	T1.06.05
62		Loại B3	T1.06.06
63		Loại A	T1.06.07
64		Loại B1	T1.06.08
65		Loại B5b	T1.06.09
66		Loại B5	T1.06.10
67		Loại A	T1.06.11
68		Loại A	T1.06.12
69		Loại A	T1.06.13
70		Loại B5	T1.06.14
71	Tầng 7	Loại A	T1.07.01
72		Loại B6	T1.07.02
73		Loại C2	T1.07.03
74		Loại B2	T1.07.04
75		Loại B2	T1.07.05

TW

Stt	TẦNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
76		Loại B3	T1.07.06
77		Loại A	T1.07.07
78		Loại B1	T1.07.08
79		Loại B5b	T1.07.09
80		Loại B5	T1.07.10
81		Loại A	T1.07.11
82		Loại A	T1.07.12
83		Loại A	T1.07.13
84		Loại B5	T1.07.14
85	Tầng 8	Loại A	T1.08.01
86		Loại B6	T1.08.02
87		Loại C2	T1.08.03
88		Loại B2	T1.08.04
89		Loại B2	T1.08.05
90		Loại B3	T1.08.06
91		Loại A	T1.08.07
92		Loại B1	T1.08.08
93		Loại B5b	T1.08.09
94		Loại B5	T1.08.10
95		Loại A	T1.08.11
96		Loại A	T1.08.12
97		Loại A	T1.08.13
98		Loại B5	T1.08.14
99	Tầng 9	Loại A	T1.09.01
100		Loại B6	T1.09.02
101		Loại C2	T1.09.03
102		Loại B2	T1.09.04
103		Loại B2	T1.09.05
104		Loại B3	T1.09.06
105		Loại A	T1.09.07
106		Loại B1	T1.09.08
107		Loại B5b	T1.09.09
108		Loại B5	T1.09.10
109		Loại A	T1.09.11
110		Loại A	T1.09.12
111		Loại A	T1.09.13
112		Loại B5	T1.09.14
113	Tầng 10	Loại A	T1.10.01
114		Loại B6	T1.10.02
115		Loại C2	T1.10.03
116		Loại B2	T1.10.04
117		Loại B2	T1.10.05
118		Loại B3	T1.10.06
119		Loại A	T1.10.07
120		Loại B1	T1.10.08

ĐA X.
S
XÂY
PHỐ H

725

Stt	TẦNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
121		Loại B5b	T1.10.09
122		Loại B5	T1.10.10
123		Loại A	T1.10.11
124		Loại A	T1.10.12
125		Loại A	T1.10.13
126		Loại B5	T1.10.14
127	Tầng 11	Loại A	T1.11.01
128		Loại B6	T1.11.02
129		Loại C2	T1.11.03
130		Loại B2	T1.11.04
131		Loại B2	T1.11.05
132		Loại B3	T1.11.06
133		Loại A	T1.11.07
134		Loại B1	T1.11.08
135		Loại B5b	T1.11.09
136		Loại B5	T1.11.10
137		Loại A	T1.11.11
138		Loại A	T1.11.12
139		Loại A	T1.11.13
140		Loại B5	T1.11.14
141	Tầng 12	Loại A	T1.12.01
142		Loại B6	T1.12.02
143		Loại C2	T1.12.03
144		Loại B2	T1.12.04
145		Loại B2	T1.12.05
146		Loại B3	T1.12.06
147		Loại A	T1.12.07
148		Loại B1	T1.12.08
149		Loại B5b	T1.12.09
150		Loại B5	T1.12.10
151		Loại A	T1.12.11
152		Loại A	T1.12.12
153		Loại A	T1.12.13
154		Loại B5	T1.12.14
155	Tầng 13	Loại A	T1.13.01
156		Loại B6	T1.13.02
157		Loại C2	T1.13.03
158		Loại B2	T1.13.04
159		Loại B2	T1.13.05
160		Loại B3	T1.13.06
161		Loại A	T1.13.07
162		Loại B1	T1.13.08
163		Loại B5b	T1.13.09
164		Loại B5	T1.13.10
165		Loại A	T1.13.11

Stt	TẦNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
166		Loại A	T1.13.12
167		Loại A	T1.13.13
168		Loại B5	T1.13.14
169	Tầng 14	Loại A	T1.14.01
170		Loại B6	T1.14.02
171		Loại C2	T1.14.03
172		Loại B2	T1.14.04
173		Loại B2	T1.14.05
174		Loại B3	T1.14.06
175		Loại A	T1.14.07
176		Loại B1	T1.14.08
177		Loại B5b	T1.14.09
178		Loại B5	T1.14.10
179		Loại A	T1.14.11
180		Loại A	T1.14.12
181		Loại A	T1.14.13
182		Loại B5	T1.14.14
183	Tầng 15	Loại A	T1.15.01
184		Loại B6	T1.15.02
185		Loại C2	T1.15.03
186		Loại B2	T1.15.04
187		Loại B2	T1.15.05
188		Loại B3	T1.15.06
189		Loại A	T1.15.07
190		Loại B1	T1.15.08
191		Loại B5b	T1.15.09
192		Loại B5	T1.15.10
193		Loại A	T1.15.11
194		Loại A	T1.15.12
195		Loại A	T1.15.13
196		Loại B5	T1.15.14
197	Tầng 16	Loại A	T1.16.01
198		Loại B6	T1.16.02
199		Loại C2	T1.16.03
200		Loại B2	T1.16.04
201		Loại B2	T1.16.05
202		Loại B3	T1.16.06
203		Loại A	T1.16.07
204		Loại B1	T1.16.08
205		Loại B5b	T1.16.09
206		Loại B5	T1.16.10
207		Loại A	T1.16.11
208		Loại A	T1.16.12
209		Loại A	T1.16.13
210		Loại B5	T1.16.14



245

Stt	TẦNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
211	Tầng 17	Loại A	T1.17.01
212		Loại B6	T1.17.02
213		Loại C2	T1.17.03
214		Loại B2	T1.17.04
215		Loại B2	T1.17.05
216		Loại B3	T1.17.06
217		Loại A	T1.17.07
218		Loại B1	T1.17.08
219		Loại B5b	T1.17.09
220		Loại B5	T1.17.10
221		Loại A	T1.17.11
222		Loại A	T1.17.12
223		Loại A	T1.17.13
224		Loại B5	T1.17.14
225	Tầng 18	Loại A	T1.18.01
226		Loại B6	T1.18.02
227		Loại C2	T1.18.03
228		Loại B2	T1.18.04
229		Loại B2	T1.18.05
230		Loại B3	T1.18.06
231		Loại A	T1.18.07
232		Loại B1	T1.18.08
233		Loại B5b	T1.18.09
234		Loại B5	T1.18.10
235		Loại A	T1.18.11
236		Loại A	T1.18.12
237		Loại A	T1.18.13
238		Loại B5	T1.18.14
239	Tầng 19	Loại A	T1.19.01
240		Loại B6	T1.19.02
241		Loại C2	T1.19.03
242		Loại B2	T1.19.04
243		Loại B2	T1.19.05
244		Loại B3	T1.19.06
245		Loại A	T1.19.07
246		Loại B1	T1.19.08
247		Loại B5b	T1.19.09
248		Loại B5	T1.19.10
249		Loại A	T1.19.11
250		Loại A	T1.19.12
251		Loại A	T1.19.13
252		Loại B5	T1.19.14
253	Tầng 20	Loại A	T1.20.01
254		Loại B6	T1.20.02
255		Loại C2	T1.20.03

205

Stt	TÀNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
256		Loại B2	T1.20.04
257		Loại B2	T1.20.05
258		Loại B3	T1.20.06
259		Loại A	T1.20.07
260		Loại B1	T1.20.08
261		Loại B5b	T1.20.09
262		Loại B5	T1.20.10
263		Loại A	T1.20.11
264		Loại A	T1.20.12
265		Loại A	T1.20.13
266		Loại B5	T1.20.14

Stt	TÀNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
THÁP 2			
267	Tầng 3	Loại B2a	T2.03.01
268		Loại B5	T2.03.02
269		Loại A	T2.03.03
270		Loại B5	T2.03.04
271		Loại B2a	T2.03.05
272		Loại B2	T2.03.06
273		Loại C2	T2.03.07
274		Loại B6	T2.03.08
275		Loại A	T2.03.09
276		Loại A	T2.03.10
277		Loại B5b	T2.03.11
278	Tầng 4	Loại B2a	T2.04.01
279		Loại B4	T2.04.02
280		Loại B5	T2.04.03
281		Loại A	T2.04.04
282		Loại B5	T2.04.05
283		Loại B2a	T2.04.06
284		Loại B2	T2.04.07
285		Loại C2	T2.04.08
286		Loại B6	T2.04.09
287		Loại A	T2.04.10
288		Loại A	T2.04.11
289		Loại B5b	T2.04.12
290	Tầng 5	Loại B2a	T2.05.01
291		Loại B4	T2.05.02
292		Loại B5	T2.05.03
293		Loại A	T2.05.04
294		Loại B5	T2.05.05
295		Loại B2a	T2.05.06
296		Loại B2	T2.05.07



Stt	TẦNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
297		Loại C2	T2.05.08
298		Loại B6	T2.05.09
299		Loại A	T2.05.10
300		Loại A	T2.05.11
301		Loại B5b	T2.05.12
302	Tầng 6	Loại B2a	T2.06.01
303		Loại B4	T2.06.02
304		Loại B5	T2.06.03
305		Loại A	T2.06.04
306		Loại B5	T2.06.05
307		Loại B2a	T2.06.06
308		Loại B2	T2.06.07
309		Loại C2	T2.06.08
310		Loại B6	T2.06.09
311		Loại A	T2.06.10
312		Loại A	T2.06.11
313		Loại B5b	T2.06.12
314	Tầng 7	Loại B2a	T2.07.01
315		Loại B4	T2.07.02
316		Loại B5	T2.07.03
317		Loại A	T2.07.04
318		Loại B5	T2.07.05
319		Loại B2a	T2.07.06
320		Loại B2	T2.07.07
321		Loại C2	T2.07.08
322		Loại B6	T2.07.09
323		Loại A	T2.07.10
324		Loại A	T2.07.11
325		Loại B5b	T2.07.12
326	Tầng 8	Loại B2a	T2.08.01
327		Loại B4	T2.08.02
328		Loại B5	T2.08.03
329		Loại A	T2.08.04
330		Loại B5	T2.08.05
331		Loại B2a	T2.08.06
332		Loại B2	T2.08.07
333		Loại C2	T2.08.08
334		Loại B6	T2.08.09
335		Loại A	T2.08.10
336		Loại A	T2.08.11
337		Loại B5b	T2.08.12
338	Tầng 9	Loại B2a	T2.09.01
339		Loại B4	T2.09.02
340		Loại B5	T2.09.03
341		Loại A	T2.09.04

Stt	TẦNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
342		Loại B5	T2.09.05
343		Loại B2a	T2.09.06
344		Loại B2	T2.09.07
345		Loại C2	T2.09.08
346		Loại B6	T2.09.09
347		Loại A	T2.09.10
348		Loại A	T2.09.11
349		Loại B5b	T2.09.12
350	Tầng 10	Loại B2a	T2.10.01
351		Loại B4	T2.10.02
352		Loại B5	T2.10.03
353		Loại A	T2.10.04
354		Loại B5	T2.10.05
355		Loại B2a	T2.10.06
356		Loại B2	T2.10.07
357		Loại C2	T2.10.08
358		Loại B6	T2.10.09
359		Loại A	T2.10.10
360		Loại A	T2.10.11
361		Loại B5b	T2.10.12
362	Tầng 11	Loại B2a	T2.11.01
363		Loại B4	T2.11.02
364		Loại B5	T2.11.03
365		Loại A	T2.11.04
366		Loại B5	T2.11.05
367		Loại B2a	T2.11.06
368		Loại B2	T2.11.07
369		Loại C2	T2.11.08
370		Loại B6	T2.11.09
371		Loại A	T2.11.10
372		Loại A	T2.11.11
373		Loại B5b	T2.11.12
374	Tầng 12	Loại B2a	T2.12.01
375		Loại B4	T2.12.02
376		Loại B5	T2.12.03
377		Loại A	T2.12.04
378		Loại B5	T2.12.05
379		Loại B2a	T2.12.06
380		Loại B2	T2.12.07
381		Loại C2	T2.12.08
382		Loại B6	T2.12.09
383		Loại A	T2.12.10
384		Loại A	T2.12.11
385		Loại B5b	T2.12.12
386	Tầng 13	Loại B2a	T2.13.01

X.H.C.
SỞ
Y DƯ
HỒ

Stt	TẦNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
387		Loại B4	T2.13.02
388		Loại B5	T2.13.03
389		Loại A	T2.13.04
390		Loại B5	T2.13.05
391		Loại B2a	T2.13.06
392		Loại B2	T2.13.07
393		Loại C2	T2.13.08
394		Loại B6	T2.13.09
395		Loại A	T2.13.10
396		Loại A	T2.13.11
397		Loại B5b	T2.13.12
398	Tầng 14	Loại B2a	T2.14.01
399		Loại B4	T2.14.02
400		Loại B5	T2.14.03
401		Loại A	T2.14.04
402		Loại B5	T2.14.05
403		Loại B2a	T2.14.06
404		Loại B2	T2.14.07
405		Loại C2	T2.14.08
406		Loại B6	T2.14.09
407		Loại A	T2.14.10
408		Loại A	T2.14.11
409		Loại B5b	T2.14.12
410	Tầng 15	Loại B2a	T2.15.01
411		Loại B4	T2.15.02
412		Loại B5	T2.15.03
413		Loại A	T2.15.04
414		Loại B5	T2.15.05
415		Loại B2a	T2.15.06
416		Loại B2	T2.15.07
417		Loại C2	T2.15.08
418		Loại B6	T2.15.09
419		Loại A	T2.15.10
420		Loại A	T2.15.11
421		Loại B5b	T2.15.12
422	Tầng 16	Loại B2a	T2.16.01
423		Loại B4	T2.16.02
424		Loại B5	T2.16.03
425		Loại A	T2.16.04
426		Loại B5	T2.16.05
427		Loại B2a	T2.16.06
428		Loại B2	T2.16.07
429		Loại C2	T2.16.08
430		Loại B6	T2.16.09
431		Loại A	T2.16.10

2hu5

Stt	TẦNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ
			(kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
432	Tầng 17	Loại A	T2.16.11
433		Loại B5b	T2.16.12
434		Loại B2a	T2.17.01
435		Loại B4	T2.17.02
436		Loại B5	T2.17.03
437		Loại A	T2.17.04
438		Loại B5	T2.17.05
439		Loại B2a	T2.17.06
440		Loại B2	T2.17.07
441		Loại C2	T2.17.08
442		Loại B6	T2.17.09
443		Loại A	T2.17.10
444		Loại A	T2.17.11
445		Loại B5b	T2.17.12
446	Tầng 18	Loại B2a	T2.18.01
447		Loại B4	T2.18.02
448		Loại B5	T2.18.03
449		Loại A	T2.18.04
450		Loại B5	T2.18.05
451		Loại B2a	T2.18.06
452		Loại B2	T2.18.07
453		Loại C2	T2.18.08
454		Loại B6	T2.18.09
455		Loại A	T2.18.10
456		Loại A	T2.18.11
457		Loại B5b	T2.18.12
458	Tầng 19	Loại B2a	T2.19.01
459		Loại B4	T2.19.02
460		Loại B5	T2.19.03
461		Loại A	T2.19.04
462		Loại B5	T2.19.05
463		Loại B2a	T2.19.06
464		Loại B2	T2.19.07
465		Loại C2	T2.19.08
466		Loại B6	T2.19.09
467		Loại A	T2.19.10
468		Loại A	T2.19.11
469		Loại B5b	T2.19.12
470	Tầng 20	Loại B2a	T2.20.01
471		Loại B4	T2.20.02
472		Loại B5	T2.20.03
473		Loại A	T2.20.04
474		Loại B5	T2.20.05
475		Loại B2a	T2.20.06
476		Loại B2	T2.20.07



Thư

Stt	TẦNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
477		Loại C2	T2.20.08
478		Loại B6	T2.20.09
479		Loại A	T2.20.10
480		Loại A	T2.20.11
481		Loại B5b	T2.20.12

Stt	TẦNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
THÁP 3			
482	Tầng 1	Loại B2	T3.01.01
483		Loại B2	T3.01.02
484		Loại C2	T3.01.03
485		Loại C1	T3.01.04
486		Loại B1	T3.01.05
487		Loại B2	T3.01.06
488		Loại B2	T3.01.07
489		Loại B2	T3.01.08
490		Loại C3	T3.01.09
491		Loại B5a	T3.01.10
492		Loại A	T3.01.11
493		Loại A	T3.01.12
494		Loại A	T3.01.13
495	Tầng 2	Loại B3	T3.02.01
496		Loại B2	T3.02.02
497		Loại B2	T3.02.03
498		Loại B2	T3.02.04
499		Loại C2	T3.02.05
500		Loại C1	T3.02.06
501		Loại B1	T3.02.07
502		Loại C4	T3.02.08
503		Loại B2	T3.02.09
504		Loại B2	T3.02.10
505		Loại B2	T3.02.11
506		Loại B2	T3.02.12
507		Loại C3	T3.02.13
508		Loại B5a	T3.02.14
509		Loại A	T3.02.15
510		Loại A	T3.02.16
511		Loại A	T3.02.17
512	Tầng 3	Loại B3	T3.03.01
513		Loại B2	T3.03.02
514		Loại B2	T3.03.03
515		Loại B2	T3.03.04
516		Loại C2	T3.03.05
517		Loại C1	T3.03.06

Law

Stt	TÀNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
518		Loại B1	T3.03.07
519		Loại C4	T3.03.08
520		Loại B2	T3.03.09
521		Loại B2	T3.03.10
522		Loại B2	T3.03.11
523		Loại B2	T3.03.12
524		Loại C3	T3.03.13
525		Loại B5a	T3.03.14
526		Loại A	T3.03.15
527		Loại A	T3.03.16
528		Loại A	T3.03.17
529	Tầng 4	Loại B3	T3.04.01
530		Loại B2	T3.04.02
531		Loại B2	T3.04.03
532		Loại B2	T3.04.04
533		Loại C2	T3.04.05
534		Loại C1	T3.04.06
535		Loại B1	T3.04.07
536		Loại C4	T3.04.08
537		Loại B2	T3.04.09
538		Loại B2	T3.04.10
539		Loại B2	T3.04.11
540		Loại B2	T3.04.12
541		Loại C3	T3.04.13
542		Loại B5a	T3.04.14
543		Loại A	T3.04.15
544		Loại A	T3.04.16
545		Loại A	T3.04.17
546	Tầng 5	Loại B3	T3.05.01
547		Loại B2	T3.05.02
548		Loại B2	T3.05.03
549		Loại B2	T3.05.04
550		Loại C2	T3.05.05
551		Loại C1	T3.05.06
552		Loại B1	T3.05.07
553		Loại C4	T3.05.08
554		Loại B2	T3.05.09
555		Loại B2	T3.05.10
556		Loại B2	T3.05.11
557		Loại B2	T3.05.12
558		Loại C3	T3.05.13
559		Loại B5a	T3.05.14
560		Loại A	T3.05.15
561		Loại A	T3.05.16
562		Loại A	T3.05.17



Thư

Stt	TẦNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
563	Tầng 6	Loại B3	T3.06.01
564		Loại B2	T3.06.02
565		Loại B2	T3.06.03
566		Loại B2	T3.06.04
567		Loại C2	T3.06.05
568		Loại C1	T3.06.06
569		Loại B1	T3.06.07
570		Loại C4	T3.06.08
571		Loại B2	T3.06.09
572		Loại B2	T3.06.10
573		Loại B2	T3.06.11
574		Loại B2	T3.06.12
575		Loại C3	T3.06.13
576		Loại B5a	T3.06.14
577		Loại A	T3.06.15
578		Loại A	T3.06.16
579		Loại A	T3.06.17
580	Tầng 7	Loại B3	T3.07.01
581		Loại B2	T3.07.02
582		Loại B2	T3.07.03
583		Loại B2	T3.07.04
584		Loại C2	T3.07.05
585		Loại C1	T3.07.06
586		Loại B1	T3.07.07
587		Loại C4	T3.07.08
588		Loại B2	T3.07.09
589		Loại B2	T3.07.10
590		Loại B2	T3.07.11
591		Loại B2	T3.07.12
592		Loại C3	T3.07.13
593		Loại B5a	T3.07.14
594		Loại A	T3.07.15
595		Loại A	T3.07.16
596		Loại A	T3.07.17
597	Tầng 8	Loại B3	T3.08.01
598		Loại B2	T3.08.02
599		Loại B2	T3.08.03
600		Loại B2	T3.08.04
601		Loại C2	T3.08.05
602		Loại C1	T3.08.06
603		Loại B1	T3.08.07
604		Loại C4	T3.08.08
605		Loại B2	T3.08.09
606		Loại B2	T3.08.10
607		Loại B2	T3.08.11

Chu

Stt	TẦNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
608		Loại B2	T3.08.12
609		Loại C3	T3.08.13
610		Loại B5a	T3.08.14
611		Loại A	T3.08.15
612		Loại A	T3.08.16
613		Loại A	T3.08.17
614	Tầng 9	Loại B3	T3.09.01
615		Loại B2	T3.09.02
616		Loại B2	T3.09.03
617		Loại B2	T3.09.04
618		Loại C2	T3.09.05
619		Loại C1	T3.09.06
620		Loại B1	T3.09.07
621		Loại C4	T3.09.08
622		Loại B2	T3.09.09
623		Loại B2	T3.09.10
624		Loại B2	T3.09.11
625		Loại B2	T3.09.12
626		Loại C3	T3.09.13
627		Loại B5a	T3.09.14
628		Loại A	T3.09.15
629		Loại A	T3.09.16
630		Loại A	T3.09.17
631	Tầng 10	Loại B3	T3.10.01
632		Loại B2	T3.10.02
633		Loại B2	T3.10.03
634		Loại B2	T3.10.04
635		Loại C2	T3.10.05
636		Loại C1	T3.10.06
637		Loại B1	T3.10.07
638		Loại C4	T3.10.08
639		Loại B2	T3.10.09
640		Loại B2	T3.10.10
641		Loại B2	T3.10.11
642		Loại B2	T3.10.12
643		Loại C3	T3.10.13
644		Loại B5a	T3.10.14
645		Loại A	T3.10.15
646		Loại A	T3.10.16
647		Loại A	T3.10.17
648	Tầng 11	Loại B3	T3.11.01
649		Loại B2	T3.11.02
650		Loại B2	T3.11.03
651		Loại B2	T3.11.04
652		Loại C2	T3.11.05

X.H
S
AY
PH

Ths

Stt	TẦNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
653		Loại C1	T3.11.06
654		Loại B1	T3.11.07
655		Loại C4	T3.11.08
656		Loại B2	T3.11.09
657		Loại B2	T3.11.10
658		Loại B2	T3.11.11
659		Loại B2	T3.11.12
660		Loại C3	T3.11.13
661		Loại B5a	T3.11.14
662		Loại A	T3.11.15
663		Loại A	T3.11.16
664		Loại A	T3.11.17
665	Tầng 12	Loại B3	T3.12.01
666		Loại B2	T3.12.02
667		Loại B2	T3.12.03
668		Loại B2	T3.12.04
669		Loại C2	T3.12.05
670		Loại C1	T3.12.06
671		Loại B1	T3.12.07
672		Loại C4	T3.12.08
673		Loại B2	T3.12.09
674		Loại B2	T3.12.10
675		Loại B2	T3.12.11
676		Loại B2	T3.12.12
677		Loại C3	T3.12.13
678		Loại B5a	T3.12.14
679		Loại A	T3.12.15
680		Loại A	T3.12.16
681		Loại A	T3.12.17
682	Tầng 13	Loại B3	T3.13.01
683		Loại B2	T3.13.02
684		Loại B2	T3.13.03
685		Loại B2	T3.13.04
686		Loại C2	T3.13.05
687		Loại C1	T3.13.06
688		Loại B1	T3.13.07
689		Loại C4	T3.13.08
690		Loại B2	T3.13.09
691		Loại B2	T3.13.10
692		Loại B2	T3.13.11
693		Loại B2	T3.13.12
694		Loại C3	T3.13.13
695		Loại B5a	T3.13.14
696		Loại A	T3.13.15
697		Loại A	T3.13.16

Thư

Stt	TẦNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
698	Tầng 14	Loại A	T3.13.17
699		Loại B3	T3.14.01
700		Loại B2	T3.14.02
701		Loại B2	T3.14.03
702		Loại B2	T3.14.04
703		Loại C2	T3.14.05
704		Loại C1	T3.14.06
705		Loại B1	T3.14.07
706		Loại C4	T3.14.08
707		Loại B2	T3.14.09
708		Loại B2	T3.14.10
709		Loại B2	T3.14.11
710		Loại B2	T3.14.12
711		Loại C3	T3.14.13
712		Loại B5a	T3.14.14
713		Loại A	T3.14.15
714		Loại A	T3.14.16
715		Loại A	T3.14.17
716	Tầng 15	Loại B3	T3.15.01
717		Loại B2	T3.15.02
718		Loại B2	T3.15.03
719		Loại B2	T3.15.04
720		Loại C2	T3.15.05
721		Loại C1	T3.15.06
722		Loại B1	T3.15.07
723		Loại C4	T3.15.08
724		Loại B2	T3.15.09
725		Loại B2	T3.15.10
726		Loại B2	T3.15.11
727		Loại B2	T3.15.12
728		Loại C3	T3.15.13
729		Loại B5a	T3.15.14
730		Loại A	T3.15.15
731		Loại A	T3.15.16
732		Loại A	T3.15.17
733	Tầng 16	Loại B3	T3.16.01
734		Loại B2	T3.16.02
735		Loại B2	T3.16.03
736		Loại B2	T3.16.04
737		Loại C2	T3.16.05
738		Loại C1	T3.16.06
739		Loại B1	T3.16.07
740		Loại C4	T3.16.08
741		Loại B2	T3.16.09
742		Loại B2	T3.16.10

Stt	TẦNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
743		Loại B2	T3.16.11
744		Loại B2	T3.16.12
745		Loại C3	T3.16.13
746		Loại B5a	T3.16.14
747		Loại A	T3.16.15
748		Loại A	T3.16.16
749		Loại A	T3.16.17
750	Tầng 17	Loại B3	T3.17.01
751		Loại B2	T3.17.02
752		Loại B2	T3.17.03
753		Loại B2	T3.17.04
754		Loại C2	T3.17.05
755		Loại C1	T3.17.06
756		Loại B1	T3.17.07
757		Loại C4	T3.17.08
758		Loại B2	T3.17.09
759		Loại B2	T3.17.10
760		Loại B2	T3.17.11
761		Loại B2	T3.17.12
762		Loại C3	T3.17.13
763		Loại B5a	T3.17.14
764		Loại A	T3.17.15
765		Loại A	T3.17.16
766		Loại A	T3.17.17
767	Tầng 18	Loại B3	T3.18.01
768		Loại B2	T3.18.02
769		Loại B2	T3.18.03
770		Loại B2	T3.18.04
771		Loại C2	T3.18.05
772		Loại C1	T3.18.06
773		Loại B1	T3.18.07
774		Loại C4	T3.18.08
775		Loại B2	T3.18.09
776		Loại B2	T3.18.10
777		Loại B2	T3.18.11
778		Loại B2	T3.18.12
779		Loại C3	T3.18.13
780		Loại B5a	T3.18.14
781		Loại A	T3.18.15
782		Loại A	T3.18.16
783		Loại A	T3.18.17
784	Tầng 19	Loại B3	T3.19.01
785		Loại B2	T3.19.02
786		Loại B2	T3.19.03
787		Loại B2	T3.19.04

Stt	TẦNG	LOẠI CĂN HỘ	MÃ CĂN HỘ (kèm Công văn số 09/GPXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)
788		Loại C2	T3.19.05
789		Loại C1	T3.19.06
790		Loại B1	T3.19.07
791		Loại C4	T3.19.08
792		Loại B2	T3.19.09
793		Loại B2	T3.19.10
794		Loại B2	T3.19.11
795		Loại B2	T3.19.12
796		Loại C3	T3.19.13
797		Loại B5a	T3.19.14
798		Loại A	T3.19.15
799		Loại A	T3.19.16
800		Loại A	T3.19.17
801	Tầng 20	Loại B3	T3.20.01
802		Loại B2	T3.20.02
803		Loại B2	T3.20.03
804		Loại B2	T3.20.04
805		Loại C2	T3.20.05
806		Loại C1	T3.20.06
807		Loại B1	T3.20.07
808		Loại C4	T3.20.08
809		Loại B2	T3.20.09
810		Loại B2	T3.20.10
811		Loại B2	T3.20.11
812		Loại B2	T3.20.12
813		Loại C3	T3.20.13
814		Loại B5a	T3.20.14
815		Loại A	T3.20.15
816		Loại A	T3.20.16
817		Loại A	T3.20.17



Handwritten signature